TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Vĩnh

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã Y, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang tạm trú tại: thôn Q, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn S, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy L1 ngày 24 tháng 12 năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Sông Lô. Tổ chức cưới xong chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh L1 ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh L1 đã đi ngoại tình không quan tâm, cũng không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh

L1 vẫn không thay đổi, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và mẹ con chị về nhà mẹ đẻ tại xã Đ ở từ năm 2019. Chị xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019. Trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được và vợ chồng không quan tâm cũng như thăm hỏi đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy C, sinh ngày 12/11/2011 và Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 21/9/2014, hiện nay hai con đang ở cùng chị. Chị xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân anh L1 cũng không quan tâm và không có trách nhiệm với các con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty TNHH ESTEC thu nhập hàng tháng là khoảng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy L1 đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L1 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Anh L1 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị Lương. Tại phiên tòa hôm nay anh L1 vắng mặt mặc dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị O (mẹ đẻ anh L1), tiến hành xác minh tại UBND xã Y, tiến hành làm việc với trưởng thôn S đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị L L1 là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu, anh L1 đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đề nghị giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Duy L1.

Về nuôi con chung: Đề nghị giao hai con cho chị L nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Duy L1 đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L1 không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Nguyễn Duy L1 vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh L1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Duy L1 kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện S là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị L không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh L1 không chịu khó làm ăn kinh tế, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã ly thân và không có biện pháp cải thiện về tình cảm vợ chồng. Do vậy chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh L1 và đề nghị giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị O (mẹ đẻ anh L1) thể hiện vợ chồng anh chị L L1 có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay anh L1 đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về nhà. Bà O là người nhận thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản, các giấy triệu tập của Tòa án và bà đã cam kết thông báo cho anh L1 được biết về nội dung các văn bản bà đã nhận. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Y thể hiện anh L đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương, quá trình vợ chồng anh L và chị L chung sống có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2019. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị L xin ly hôn anh L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L1 vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh L1 cố tình gây khó khăn cho chị L và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lương được ly hôn anh Nguyễn Duy L1.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh L1 có hai con chung là Nguyễn Duy C, sinh ngày 12/11/2011 và Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 21/9/2014. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị L thấy rằng hiện nay chị L đang làm công nhân có thu nhập khoảng 6.000.000 đ đến 7.000.000 đ, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Hiện nay hai con đang ở cùng chị L từ khi vợ chồng sống ly thân. Để đảm bảo về quyền lợi và sự phát triển toàn diện của con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là cháu C và cháu Ph, chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Chị L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Duy L1.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là Nguyễn Duy C, sinh ngày 12/11/2011 và Nguyễn Duy Ph, sinh ngày 21/9/2014, hiện nay con đang ở cùng chị L. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0001610 ngày 23/8/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Y;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng